

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 30

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,170,098,554,221	1,313,500,785,822
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42,130,918,112	46,283,085,159
1	Tiền	111		42,130,918,112	44,083,085,159
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	2,200,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	150,801,232,938	627,091,744,305
1	Đầu tư ngắn hạn	121		151,520,437,856	627,203,364,808
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(719,204,918)	(111,620,503)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		447,794,931,522	318,294,893,779
1	Phải thu khách hàng	131	V.3	305,760,584,874	195,643,607,519
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		288,682,013,709	182,202,488,569
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		17,078,571,165	13,441,118,950
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	39,848,761,508	56,479,039,329
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Các khoản phải thu khác	135	V.5	174,052,969,539	115,875,187,591
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(71,867,384,399)	(49,702,940,660)
IV	Hàng tồn kho	140		8,049,547,373	8,645,993,844
1	Hàng tồn kho	141		8,049,547,373	8,645,993,844
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		128,405,521,175	24,123,192,066
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		108,304,469,626	1,031,060,826
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		108,071,542,120	-
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		232,927,506	1,031,060,826
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		664,314,689	1,610,382,165
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	600,613,140	669,896,921
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		18,836,123,720	20,811,852,154
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		392,916,403,101	289,061,876,669
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		156,412,673,364	125,845,725,944
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		236,503,729,737	163,216,150,725

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,382,312,499,596	701,900,517,781
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		10,780,000,000	10,780,000,000
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		10,780,000,000	10,780,000,000
4.1	Ký quỹ bảo hiểm	218.1		10,780,000,000	10,780,000,000
4.2	Phải thu dài hạn khác	218.2		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		217,957,876,846	206,453,446,234
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	45,684,065,321	36,047,481,458
	<i>Nguyên giá</i>	222		99,579,945,426	82,135,211,812
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(53,895,880,105)	(46,087,730,354)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	46,210,637,071	45,733,580,554
	<i>Nguyên giá</i>	228		49,467,077,011	48,244,677,011
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,256,439,940)	(2,511,096,457)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	126,063,174,454	124,672,384,222
III	Bất động sản đầu tư	240	V.11	6,994,763,527	6,994,763,527
	<i>Nguyên giá</i>	241		6,994,763,527	6,994,763,527
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,127,715,629,967	463,364,809,107
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	113,914,709,834	113,046,216,392
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,019,289,387,308	356,817,037,308
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5,488,467,175)	(6,498,444,593)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		16,486,896,721	14,307,498,913
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	10,501,047,738	9,407,170,673
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		5,985,848,983	4,900,328,240
VII	Lợi thế thương mại	249		2,377,332,535	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,552,411,053,817	2,015,401,303,603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,878,780,513,797	1,355,663,198,129
I	Nợ ngắn hạn	310		1,829,190,159,609	1,318,043,909,465
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	737,734,572	3,500,000,000
2	Phải trả cho người bán	312	V.16	244,796,296,136	105,857,543,552
2.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		218,621,735,621	86,981,979,394
2.2	Phải trả khác cho người bán	312.2		26,174,560,515	18,875,564,158
3	Người mua trả tiền trước	313	V.17	7,984,738,038	4,344,377,211
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	16,845,852,159	21,348,412,599
5	Phải trả người lao động	315		50,640,495,808	30,774,926,552
6	Chi phí phải trả	316		2,765,397,097	369,389,019
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	56,899,878,085	37,958,060,528
9	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		39,390,226,971	-
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		418,091,519	39,637
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13	Dự phòng nghiệp vụ	329		1,408,711,449,224	1,113,891,160,367
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		885,293,494,537	760,018,973,868
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	319.2		471,982,491,951	317,364,237,763
13.3	Dự phòng giao động lớn	319.3		51,435,462,736	36,507,948,736
II	Nợ dài hạn	330		49,590,354,188	37,619,288,664
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		1,211,163,136	1,290,163,136
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		215,900,487	215,900,487
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	48,163,290,565	36,113,225,041
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	672,755,890,236	658,782,932,851
Vốn chủ sở hữu		410	672,755,890,236	658,782,932,851
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	503,957,090,000	503,957,090,000
2 Thặng dư vốn cổ phần		412	59,996,215,488	60,296,215,488
3 Vốn khác của chủ sở hữu		413	-	-
4 Cổ phiếu quỹ		414	-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415	-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển		417	17,511,684,675	17,491,684,675
8 Quỹ dự phòng tài chính		418	-	-
9 Quỹ dự trữ bắt buộc		419	25,188,932,646	22,476,110,676
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420	-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	66,101,967,427	54,561,832,012
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		429	874,649,784	955,172,623
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	2,552,411,053,817	2,015,401,303,603

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		213,140,279,955	171,067,133,877
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		704,240.49	98,184.59
Euro (EUR)		31,350.14	887.83
Bảng Anh (£)		362.68	367.63

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)
Quý IV năm 2014

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 4.2014	Quý 4.2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	445,538,133,611	375,864,330,148	1,441,451,732,979	1,322,369,993,553
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	10.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11	29,546,043,218	24,531,569,554	107,132,653,135	213,205,967,073
4. Doanh thu hoạt động tài chính	12	25,577,744,698	26,316,281,308	103,331,637,340	101,351,741,909
5. Thu nhập khác	13	461,876,740	336,115,653	3,686,922,313	765,429,979
6. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	350,579,623,133	184,614,242,657	1,073,324,123,451	793,434,095,822
7. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
8. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.1	25,431,550,993	23,541,125,588	97,094,064,356	204,303,981,049
9. Chi phí hoạt động tài chính	22	21,667,607,646	21,325,117,579	36,494,931,290	34,840,948,826
10. Chi phí bán hàng	22.1	245,002,841	32,406,674,134	2,187,106,727	93,136,054,781
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	85,111,774,814	139,673,130,118	361,240,498,603	437,831,999,920
12. Chi phí khác	24	546,132,546	622,001,693	3,163,313,760	1,034,467,398
13. Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	25	1,014,514,024	(124,320,654)	2,157,795,156	(1,150,911,821)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	18,556,620,318	24,741,684,240	84,256,702,736	71,960,672,897

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 3.2014	Quý 3.2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 V.18	3,468,805,688	6,207,146,406	18,010,589,600	16,926,205,352
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		215,900,487		215,900,487
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	15,087,814,630	18,318,637,347	66,246,113,136	54,818,567,058
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	60.1	(100,324,805)	(62,345,312)	(100,324,805)	(34,723,905)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2	15,095,112,859	18,380,982,659	66,346,437,941	54,853,290,963
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.3	300	431	1,317	1,088

Người lập biểu

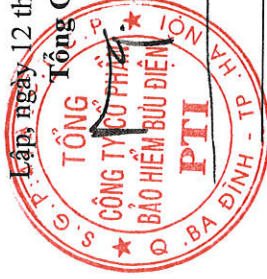
Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>84,256,702,736</i>	<i>71,960,672,897</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,599,174,249	8,354,294,318
- Các khoản dự phòng	03		212,727,813,161	81,752,520,475
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	27,614,774
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(68,045,205,707)	(84,915,113,744)
- Chi phí lãi vay	06		-	2,055,829,541
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>239,538,484,439</i>	<i>79,235,818,261</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(219,833,273,388)	(41,539,432,431)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		596,446,471	16,182,879,516
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		248,521,205,304	31,505,191,474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(108,367,285,865)	4,528,970,963
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(2,055,829,541)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(25,475,278,301)	(20,765,808,298)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,629,386,864	13,418,153,628
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(627,303,155)	(15,539,813,087)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>135,982,382,369</i>	<i>64,970,130,485</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22,060,521,817)	(17,043,177,429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(164,850,000,000)	(542,850,765,634)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22,715,816,667	437,681,810,634
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			(2,520,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	20,280,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77,395,580,848	83,173,767,070
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(86,799,124,302)</i>	<i>(21,278,365,359)</i>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	41,500,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,500,000,000)	(56,100,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49,835,425,114)	(54,905,995,042)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(53,335,425,114)</i>	<i>(69,505,995,042)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4,152,167,047)	(25,814,229,916)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	46,283,085,159	72,097,225,837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42,130,918,112	46,282,995,921

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ
- Hoạt động kinh doanh chính** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng công ty con được hợp nhất : 02

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3, số 157 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	51%	72%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67, ngõ Góc Đền, quận Hoàng Mai, Hà Nội	95%	98%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18, Khu đô thị Định Công, Hà Nội	49%	95%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm pa)	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Lào	40%	40%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP.Hồ Chí Minh	21,3%	21,3%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty có 1.159 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.067 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của các công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) được Tổng Công ty trích lập vào cuối năm theo thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012:

Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT cho năm TC hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại}}{\text{Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm TC hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước}}$
---------------------------------------------------------------------------------------------------	---	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------	---	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng Công thương công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD

31/12/2014 : 21.405 VND/USD

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định Chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng thì số tiền đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7,930,888,504	5,590,135,498
Tiền gửi ngân hàng	31,333,033,629	38,129,949,661
Tiền đang chuyển	2,866,995,979	363,000,000
Các khoản tương đương tiền		2,200,000,000
Cộng	42,130,918,112	46,283,085,159

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		88,568,604,523		43,913,364,808
BCC			264,300	1,398,864,556
BIC	258,910	3,436,252,788		
DXG	60,940	916,152,111		
DIG	647,900	8,948,639,320		
DMC			10,000	466,198,250
DXG			84,190	1,022,124,391
ITA			99,100	1,482,114,620
LAF	138,680	1,682,842,968		
LHG	26,170	316,093,946		
PSP	119,200	1,209,373,920		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
REE	775,020	22,046,545,252		
TLG	6	164,533	18,856	526,411,843
IMP			29,450	1,075,085,607
SVC			60,000	901,350,000
TCL			111,410	2,795,186,500
VFA	482,000	3,089,948,500	1,482,000	9,500,628,500
VNR	1,950,000	14,261,500,905	1,500,000	14,261,500,905
VSC			9,600	500,950,300
VF4			198,470	1,515,642,058
CLC			89,890	2,126,212,448
GMC			72,240	1,691,186,666
HAG			70,000	1,535,334,003
RAL			4,240	227,248,312
SZL			39,220	654,223,486
TCO	690,000	8,930,182,716		
TDH	39,490	764,689,359		
VPK			67,650	2,233,102,363
VPH	63,950	605,682,269		
VTV	179,500	3,010,535,936		
TCB	4,300,000	19,350,000,000		
Đầu tư ngắn hạn khác		62,951,833,333		583,290,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		1,000,000,000		558,770,000,000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn		61,951,833,333		24,520,000,000
Cộng		151,520,437,856		627,203,364,808
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(719,204,918)		(111,620,503)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		150,801,232,938		627,091,744,305

(*) Tình hình biến động giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	111,620,503
Trích lập dự phòng bổ sung	719,204,918
Hoàn nhập dự phòng	(111,620,503)
Số cuối kỳ	719,204,918

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	288,682,013,709	162,364,270,787
Phải thu về tái bảo hiểm		19,838,217,782
Phải thu khách hàng khác	17,078,571,165	13,441,118,950
Cộng	305,760,584,874	195,643,607,519

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	34,105,518,023	50,232,848,217
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	1,413,292,059	173,872,441
Trả trước cho nhà cung cấp khác	4,329,951,426	6,072,318,671
Cộng	39,848,761,508	56,479,039,329

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	70,409,628,747	80,230,511,731
Phải thu lại tiền bồi thường Cty Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Góp vốn công ty Lanexang tại Lào (chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn)	8,452,200,000	
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	48,824,558,873	9,701,079,887
Phải thu bồi thường giám định hộ		2,099,933,058
Trả trước bồi thường đồng bảo hiểm	11,337,435,770	
Các khoản phải thu khác	29,414,964,395	18,229,481,161
Cộng	174,052,969,539	115,875,187,591

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	49,702,940,660	29,195,077,851
Trích lập dự phòng bổ sung	22,229,545,133	20,507,862,809
Hoàn nhập dự phòng	(65,101,394)	
Số cuối kỳ	71,867,384,399	49,702,940,660

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa	54,010,925	318,455,477
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	238,585,100	278,342,842
Các loại thuế khác	308,017,115	73,098,602
Cộng	600,613,140	669,896,921

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10,397,348,781	8,704,832,176	52,307,068,467	10,725,962,388	82,135,211,812
Mua sắm mới		3,677,529,531	8,603,865,818	4,981,429,236	17,262,824,585
XDCB hoàn thành		4,757,082,201			4,757,082,201
Thanh lý	(2,463,075,251)	(1,973,693,312)	-	(138,404,609)	(4,575,173,172)
Số cuối kỳ	7,934,273,530	15,165,750,596	60,910,934,285	15,568,987,015	99,579,945,426

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2,170,147,206	4,013,397,164	31,150,395,644	8,753,790,340	46,087,730,354
Khấu hao	306,769,432	3,762,531,934	3,726,336,819	2,058,192,581	9,853,830,766
Thanh lý	(956,683,083)	(1,088,997,932)			(2,045,681,015)
Số cuối kỳ	1,520,233,555	6,686,931,166	34,876,732,463	10,811,982,921	53,895,880,105
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8,227,201,575	4,691,435,012	21,156,672,823	1,972,172,048	36,047,481,458
Số cuối kỳ	6,414,039,975	8,478,819,430	26,034,201,822	4,757,004,094	45,684,065,321

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44,795,404,000	3,449,273,011	48,244,677,011
Tăng trong kỳ		1,222,400,000	1,222,400,000
Số cuối kỳ	44,795,404,000	4,671,673,011	49,467,077,011
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		2,511,096,457	2,511,096,457
Khấu hao		745,343,483	745,343,483
Số cuối kỳ	-	3,256,439,940	3,256,439,940
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44,795,404,000	938,176,554	45,733,580,554
Số cuối kỳ	44,795,404,000	1,415,233,071	46,210,637,071

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	124,672,384,222	10,809,561,313	4,757,082,201	5,002,597,971	125,722,265,363
Sàn Handico 6	34,911,649,250	2,466,901,181			37,378,550,431
Sàn Thương mại Thủy lợi 4	83,795,454,546	3,800,931,527		5,000,000,000	82,596,386,073
Công trình inbuilding	5,965,280,426	4,541,728,605	4,757,082,201	2,597,971	5,747,328,859
Chi phí khác		699,909,091		359,000,000	340,909,091
Cộng	124,672,384,222	11,509,470,404	4,757,082,201	5,361,597,971	126,063,174,454

11. Bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng lâu dài 909.8 m2 đất tại Hòa Phú, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ586180 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/01/2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ SH	Giá trị	Tỷ lệ SH	Giá trị
Công ty CP BĐS Bưu điện (a)	49%	88,329,875,547	49%	89,032,805,861
Công ty CP BH Lanexang (b)	40%	13,781,640,041	40%	12,365,608,249
Công ty CP Viễn thông Tin học Điện tử (c)	21,3%	11,803,194,246	21%	11,647,802,282
Cộng		113,914,709,834		113,046,216,392

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
(a)	89,032,805,861	(702,930,314)			88,329,875,547
(b)	12,365,608,249	2,149,551,792	(627,520,000)	(106,000,000)	13,781,640,041
(c)	11,647,802,282	711,173,678	(510,472,000)	(45,309,714)	11,803,194,246
Cộng	113,046,216,392	2,157,795,156	(1,137,992,000)	(151,309,714)	113,914,709,834

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	60,695,000,000	60,695,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm trở lên	820,020,000,000	154,400,000,000
Ủy thác danh mục đầu tư	9,861,381,283	9,861,381,283
Cho vay uỷ thác	67,702,658,803	70,850,308,803
Đầu tư dài hạn khác	61,010,347,222	61,010,347,222
Cộng	1,019,289,387,308	356,817,037,308

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2,067,591,892	2,363,538,707
Chi phí thuê nhà	3,737,717,138	3,462,322,861
Chi phí phát triển đại lý	613,517,915	1,446,990,993
Các khoản chi phí khác	4,082,220,793	2,134,318,112
Cộng	10,501,047,738	9,407,170,673

15. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chi tiết tăng giảm trong năm

Số đầu năm	3.500.000.000
Số tiền vay phát sinh	737,734,572
Số tiền vay đã trả	(3.500.000.000)
Số cuối kỳ	737,734,572

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	82,814,321,341	51,004,435,306
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18,085,389	18,085,389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	128,179,346,645	30,478,784,491
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	7,609,982,244	5,480,674,208
Phải trả cho nhà cung cấp khác	26,174,560,517	18,875,564,158
Cộng	244,796,296,136	105,857,543,552

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước bảo hiểm gốc	7,885,201,289	4,256,561,286
Người mua trả tiền trước khác	99,536,749	87,815,925
Cộng	7,984,738,038	4,344,377,211

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8,738,435,941	6,194,310,038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,896,564,254	13,361,252,955
Thuế thu nhập cá nhân	2,027,882,208	1,653,668,293
Các loại thuế khác	182,969,756	139,181,313
Cộng	16,845,852,159	21,348,412,599

Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84,256,702,736	71,960,672,897
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(7,339,620,165)	(3,989,589,796)
<i>Lỗ của Xăng dầu</i>	797,855,771	998,561,619
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(4,107,856,000)	(6,174,152,000)
<i>Chi phí không được trừ</i>		1,369,403,951
<i>Lợi thế thương mại</i>		(280,000,000)
<i>Lãi từ công ty liên kết</i>	(2,157,795,156)	1,150,911,821
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>		(190,713,240)
<i>Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn</i>	(1,871,824,780)	(863,601,947)
Thu nhập chịu thuế	76,917,082,571	67,971,083,101
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	16,921,758,167	16,992,770,774

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(36,321,485)	(78,286,286)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	16,885,436,682	16,914,484,488
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>1,125,152,918</i>	<i>11,720,864</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18,010,589,600	16,926,205,352

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	523,177,221	434,419,602
Kinh phí công đoàn	820,324,976	774,865,492
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7,854,543,693	7,294,259,807
Tạm ứng thấu chi cho VNDirect	8,609,998,590	
Thuế nhà thầu tạm giữ	1,906,933,584	2,247,788,899
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	5,165,522,002	
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	10,607,696,147	
Các khoản khác	21,411,681,872	27,206,726,728
Cộng	56,899,878,085	37,958,060,528

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	45,450,986,083	34,080,613,204
Doanh thu nhận trước của hoạt động Inbuilding	2,712,304,482	2,032,611,837
Cộng	48,163,290,565	36,113,225,041

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Năm 2013</i>						
Số đầu năm trước	503,957,090,000	60,296,215,488	16,833,594,811	22,449,937,984	58,242,277,513	661,779,115,796
Cổ đông góp vốn						
Lợi nhuận trong năm trước					54,853,290,963	54,853,290,963
Trích lập các quỹ trong năm trước				26,172,692	(2,127,119,519)	(1,439,916,963)
Chia cổ tức năm trước			661,029,864		(55,435,279,900)	(55,435,279,900)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS					(641,429,864)	(641,429,864)
Giảm thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con					(15,186,305)	(15,186,305)
Chia lãi bên liên doanh					(314,720,876)	(314,720,876)
Giảm khác			(2,940,000)			(2,940,000)
Số dư cuối năm trước	503.957.090.000	60.296.215.488	17.491.684.675	22.476.110.676	54.561.832.012	658.782.932.851
<i>Năm 2014</i>						
Số dư đầu kỳ này	503.957.090.000	60.296.215.488	17.491.684.675	22.476.110.676	54.561.832.012	658.782.932.851
Lợi nhuận trong kỳ					66,346,437,941	66,346,437,941
Trích lập các quỹ trong kỳ					(3,325,386,364)	(592,564,394)
Chia cổ tức trong kỳ			20,000,000	2,712,821,970	(50,395,709,000)	(50,395,709,000)
Chia lãi bên liên doanh					(168,000,000)	(168,000,000)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS					(688,964,394)	(688,964,394)
Giảm khác		(300,000,000)			(228,242,768)	(528,242,768)
Số dư cuối kỳ	503.957.090.000	59.996.215.488	17.511.684.675	25.188.932.646	66.101.967.427	672.755.890.236

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	503.957.090.000	503.957.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.996.215.488	60.296.215.488
Cộng	563.953.305.488	564.253.305.488

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.400.000	50.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	50.395.709	50.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	50.395.709	50.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	955,172,623	4,310,832,819
Lợi ích sau thuế của cổ đông thiểu số	(100,324,805)	(34,723,905)
Tăng giảm do hợp nhất kinh doanh	5,000,000	(2,800,000,000)
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(24,000,000)	(121,200,000)
Giảm do chia lãi cho các bên liên doanh	(10,639,562)	(21,279,124)
Tăng, giảm khác	49,441,528	(378,457,167)
Cộng	<u>874,649,784</u>	<u>955,172,623</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	59,836,066,423	71,256,415,418
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	252,316,384	516,144,346
Lãi tiền cho vay uỷ thác	4,891,715,057	4,665,560,567
Lãi kinh doanh chứng khoán	34,236,994,775	15,132,260,625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,594,600,000	6,174,152,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,411,255,996	414,651,143
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn, dài hạn khác		1,820,000,000
Các khoản khác	108,688,705	1,372,557,810
Cộng	103,331,637,340	101,351,741,909

2. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		2,055,829,541
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,040,091,053	551,948,098
Lỗ kinh doanh chứng khoán	20,314,550,131	5,520,857,793
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	14,021,227,908	16,434,060,079
Chi phí khác	1,119,062,198	10,278,253,315
Cộng	36,494,931,290	34,840,948,826

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	196,879,782,746	188,141,981,529
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16,025,406,587	24,989,219,582
Chi phí dụng cụ quản lý	5,704,324,319	7,929,224,287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,510,280,785	7,520,707,898
Thuế, phí và lệ phí	7,955,325,639	6,776,682,770
Chi phí dự phòng	7,883,453,815	5,591,556,972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50,937,553,463	60,140,654,622
Chi phí khác bằng tiền	69,344,371,250	136,741,972,260
Cộng	361,240,498,604	437,831,999,920

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66,346,436,574	54,853,290,963
Các khoản điều chỉnh Tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Loại trừ các khoản lợi nhuận phải trả cho các bên liên doanh		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66,346,436,574	54,853,290,963
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	50,395,709	50,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,317	1,088

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	1,761,750,000	1,663,200,000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	122,637,036	362,272,727
Cộng	1,884,387,036	2,025,472,727

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	1,180,864,003	270,353,528
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	356,440,220	76,657,376
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	256,169,009	73,458,718
Chi khác nhận tái bảo hiểm		1,151,038
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	5,793,671,742	833,032,599
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1,873,936,966	289,709,759
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1,405,407,198	254,916,870

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	47,169,738,001	20,372,021,542
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	11,221,819,124	4,935,698,193
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	35,511,393,195	13,016,385,789
Chi khác nhận tái bảo hiểm		792,750
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	71,256,447,469	16,190,416,948
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	14,924,920,340	3,590,736,119
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	17,759,572,484	4,943,775,608

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	17,085,004,340	6,894,007,067
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	2,440,362,122	279,514,240
Cộng nợ phải trả	<u>19,525,366,462</u>	<u>7,173,521,307</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

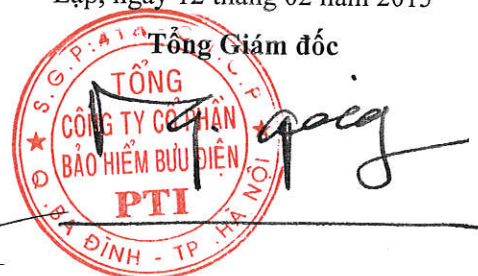
Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Cao Thu Hiền

Nguyễn Trường Giang